TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2018/QĐST-DS	*D, ngày 13 tháng 9 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 8 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 114/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông K'N và bà Ka H

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vợ chồng ông K'N, bà Ka H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân T **247kg** (Bằng chữ: *Hai trăm bốn mươi bảy kg*) **cà phê nhân** xô, loại Robusta, 15% độ ẩm, 1,5% tạp chất và số tiền vay nợ là **77.265.000 đồng** (Bằng chữ: *Bảy mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*), trong đó nợ gốc là 45.000.000 đồng; tiền lãi là 32.265.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí:

Ông K'N và bà Ka H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.122.000 đồng (Bằng chữ: *Hai triệu một trăm hai mươi hai ngàn đồng*).

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Xuân T số tiền tạm ứng án phí 2.424.500 đồng (Bằng chữ: *Hai triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0009095 ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THA huyện Di Linh;
- Lưu án văn; hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).